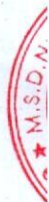


**CÔNG TY CỔ PHẦN
GANG THÉP HÀ NỘI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Quân	Chủ tịch		03/10/2019
	Thành viên	03/10/2019	
Ông Nguyễn Mậu Hoàng	Chủ tịch	03/10/2019	
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên		03/10/2019
Ông Nguyễn Duy Nam	Thành viên		03/10/2019
Ông Nguyễn Hồng Tào	Thành viên	03/10/2019	
<u>Tổng Giám đốc</u>			
Ông Nguyễn Văn Quân	Tổng Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Quân, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập và trình bày Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội



Nguyễn Văn Quân - Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2020, từ trang 6 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



Nguyễn Thị Thơm - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Lê Thị Bích Ngọc - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.864.526.047	21.373.912.690
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.009.419.273	2.130.836.129
Tiền	111		7.009.419.273	2.130.836.129
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.127.799.885	15.060.000.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	20.444.365.435	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	19.608.434.450	8.000.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	75.000.000	7.060.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	15.690.821.826	3.793.264.722
Hàng tồn kho	141		15.690.821.826	3.793.264.722
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.036.485.063	389.811.839
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	24.094.250	5.022.583
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.012.390.813	365.789.256
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	19.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.993.978.507	4.779.646.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.395.905.465	4.667.700.730
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.929.000.769	4.667.700.730
Nguyên giá	222		8.605.160.250	6.753.235.583
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.676.159.481)	(2.085.534.853)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	466.904.696	-
Nguyên giá	228		466.904.696	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		598.073.042	111.945.271
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	598.073.042	111.945.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.858.504.554	26.153.558.691

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.869.218.946	17.302.783.811
I. Nợ ngắn hạn	310		18.869.218.946	16.738.783.811
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	955.600.000	2.770.783.811
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		62.668.250	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	832.919.134	-
4. Phải trả người lao động	314		25.000.000	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		26.031.562	-
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11a	16.967.000.000	13.968.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	564.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11b	-	564.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.989.285.608	8.850.774.880
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	51.989.285.608	8.850.774.880
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	10.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>50.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.989.285.608	(1.149.225.120)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(1.149.225.120)</i>	<i>(1.213.843.567)</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>3.138.510.728</i>	<i>64.618.447</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.858.504.554	26.153.558.691

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN VĂN QUÂN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ MAI
Kế toán trưởng

ĐINH THỊ MAI
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

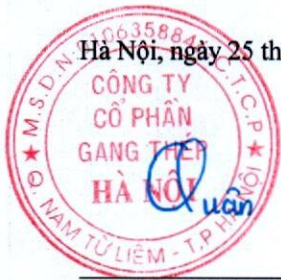
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		247.495.681.150	217.291.781.540
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		532.024.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	246.963.656.650	217.291.781.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	238.567.539.396	214.938.114.546
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.396.117.254	2.353.666.994
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.475.231	4.056.885
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	1.195.601.461	1.023.889.770
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.195.601.461</i>	<i>1.023.889.770</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	1.100.418.794	296.909.755
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.831.712.585	1.512.083.412
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.270.859.645	(475.159.058)
11. Thu nhập khác	31		51.960	560.018.360
12. Chi phí khác	32		207.739.546	20.240.855
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	(207.687.586)	539.777.505
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.063.172.059	64.618.447
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	924.661.331	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.138.510.728	64.618.447
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	1.776	65
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	1.776	13

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN VĂN QUÂN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ MAI
Kế toán trưởng

ĐINH THỊ MAI
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.063.172.059	64.618.447
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		745.964.957	762.277.833
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		123.638.986	(4.056.885)
- Chi phí lãi vay	06		1.195.601.461	1.023.889.770
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.128.377.463	1.846.729.165
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	(27.214.401.442)	27.928.734.524
- Tăng hàng tồn kho	10		(11.897.557.104)	665.480.027
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(3.397.515.561)	(31.543.373.848)
- Giảm chi phí trả trước	12		(505.199.438)	72.077.969
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(1.169.569.899)	(1.023.889.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(72.742.197)	(19.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(38.128.608.178)	(2.073.241.933)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(213.693.000)	(1.315.050.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		783.409.091	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	27	VII	2.475.231	4.056.885
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		572.191.322	(1.310.994.024)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		40.000.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		71.367.000.000	38.833.592.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(68.932.000.000)	(34.783.592.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.435.000.000	4.050.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		4.878.583.144	665.764.043
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.130.836.129	1.465.072.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	7.009.419.273	2.130.836.129

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020



NGUYỄN VĂN QUÂN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ MAI
Kế toán trưởng

ĐINH THỊ MAI
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106358846 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 9 (lần gần nhất) ngày 20 tháng 11 năm 2019.

- Vốn điều lệ** : 50.000.000.000 VND
Số cổ phiếu : 5.000.000 cổ phần
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Quân	Thôn 1, Xã Hạ Bằng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội Phòng 209 tập thể Thông tấn xã Việt Nam,	2.000.000	20.000.000.000	40,00
2	Ông Nguyễn Mậu Hoàng	Phố Bùi Ngọc Dương, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	500.000	5.000.000.000	10,00
3	Ông Nguyễn Hồng Tảo	Thôn Kim Trung, Xã Kim Lũ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội Tổ 9, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên	800.000	8.000.000.000	16,00
4	Ông Trần Quốc Anh	Tổ 11, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	850.000	8.500.000.000	17,00
5	Bà Nguyễn Thị Việt Hà		850.000	8.500.000.000	17,00
	Cộng		5.000.000	50.000.000.000	100,00

• Trụ sở hoạt động

Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế : **0106358846**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Thương mại.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính trong năm của Công ty là: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5 người) chưa tính lao động thời vụ.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Công ty là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu không mang tính thương mại như tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013", cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	39 - 40
Phương tiện vận tải	6- 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 4

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu Căn hộ chung cư số 905 và 906, chung cư nhà C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất và lệ phí trước bạ.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí mua bảo hiểm tài sản, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân bổ vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,... và các khoản phải trả khác.

11. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

14. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phần được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phần phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phần phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phần.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	31/12/2018
Tiền mặt	1.227.989.414	2.025.754.624
Tiền gửi ngân hàng	5.781.429.859	105.081.505
Cộng	7.009.419.273	2.130.836.129

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty TNHH 2HC Việt Nam	5.682.646.600	-
Công ty TNHH TM & DV Bắc Việt Green	4.164.944.900	-
Công ty Tân Hoàng Linh	9.388.910.300	-
Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	1.207.863.635	-
Cộng	20.444.365.435	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH sản xuất và thương mại Thép Duyệt Anh	1.778.067.200	-
Công ty TNHH kinh doanh thương mại Hải Lâm	6.585.027.500	-
Hoàng Quế Lan	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần XNK Hưng Phong	1.187.295.000	-
Công ty TNHH Phát triển thương mại và vận tải Phương Linh	10.058.044.750	-
Cộng	19.608.434.450	8.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	1.500.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	5.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	-	-	560.000.000	-
Cộng	75.000.000	-	7.060.000.000	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	15.690.821.826	-	3.793.264.722	-
Cộng	15.690.821.826	-	3.793.264.722	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2019	31/12/2018
a) Ngắn hạn	24.094.250	5.022.583
Phí bảo hiểm	24.094.250	5.022.583
b) Dài hạn	598.073.042	111.945.271
Chi phí sửa chữa	429.371.507	-
Công cụ, dụng cụ	168.701.535	111.945.271
Cộng	622.167.292	116.967.854

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
01/01/2019	840.344.000	5.881.073.401	31.818.182	6.753.235.583
Tăng trong năm	1.285.352.480	1.670.000.000	167.400.000	3.122.752.480
Giảm trong năm	205.964.176	1.064.863.637	-	1.270.827.813
31/12/2019	1.919.732.304	6.486.209.764	199.218.182	8.605.160.250
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2019	17.574.932	2.036.406.890	31.553.031	2.085.534.853
Tăng trong năm	46.070.772	689.166.534	10.727.651	745.964.957
Giảm trong năm	-	155.340.329	-	155.340.329
31/12/2019	63.645.704	2.570.233.095	42.280.682	2.676.159.481
Giá trị còn lại				
01/01/2019	822.769.068	3.844.666.511	265.151	4.667.700.730
31/12/2019	1.856.086.600	3.915.976.669	156.937.500	5.929.000.769
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng:				
01/01/2019	-	-	-	-
31/12/2019	-	-	-	-
GTCL của TSCĐ thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số V.11):				
01/01/2019	822.769.068	1.219.344.422	-	2.042.113.490
31/12/2019	1.856.086.600	1.087.839.326	-	2.943.925.926

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 466.904.696 VND.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 466.904.696 VND.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần kim Khí Gia Nguyễn	551.320.000	551.320.000	-	-
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu và thương mại Minh Châu	-	-	680.792.000	680.792.000
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Sun Việt	340.780.000	340.780.000	-	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phôi thép Thành Công	-	-	2.078.487.811	2.078.487.811
Các nhà cung cấp khác	63.500.000	63.500.000	11.504.000	11.504.000
Cộng	955.600.000	955.600.000	2.770.783.811	2.770.783.811

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2019
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*) (**)	(19.000.000)	924.661.331	72.742.197	832.919.134
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(19.000.000)	927.661.331	75.742.197	832.919.134

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (*)	19.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (**)	-	832.919.134

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm (**):

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2019	855.919.134
Điều chỉnh bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	68.742.197
Cộng	924.661.331

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘISố 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Vay và nợ thuộc tài chính**

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2019	Tăng	Giảm	Giá trị	
	Giá trị			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	16.967.000.000	71.367.000.000	(68.368.000.000)	13.968.000.000	13.968.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>16.967.000.000</i>	<i>57.467.000.000</i>	<i>(53.800.000.000)</i>	<i>13.300.000.000</i>	<i>13.300.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (*)	16.967.000.000	57.467.000.000	(53.800.000.000)	13.300.000.000	13.300.000.000
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	-	<i>13.900.000.000</i>	<i>(13.900.000.000)</i>	-	-
Nguyễn Văn Quân	-	6.500.000.000	(6.500.000.000)	-	-
Lê Thị Hằng	-	3.400.000.000	(3.400.000.000)	-	-
Nguyễn Đức Hà	-	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	-
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	-	-	<i>(668.000.000)</i>	<i>668.000.000</i>	<i>668.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (*)	-	-	(668.000.000)	668.000.000	668.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	(564.000.000)	564.000.000	564.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (*)	-	-	(564.000.000)	564.000.000	564.000.000
Trong vòng 1 năm	-	-	(668.000.000)	668.000.000	668.000.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	-	-	(564.000.000)	564.000.000	564.000.000
Cộng	-	-	(1.232.000.000)	1.232.000.000	1.232.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong năm			01/01/2019	
	31/12/2019			Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Trừ: Số phải trả trong vòng 1 năm (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	-	-	-	(668.000.000)	668.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	-	-	-	(564.000.000)	564.000.000
Tổng cộng	16.967.000.000	16.967.000.000	71.367.000.000	(68.932.000.000)	14.532.000.000

(*) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 1804/2019-HĐCVHM/NHCT326-GANGTHEPHN ngày 18/04/2019 giữa Công ty Cổ phần Gang thép Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long. Hạn mức tín dụng là: 20.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký. Lãi suất khoản tín dụng: Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay:

- Căn hộ chung cư số 907 và quyền sử dụng đất tại chung cư nhà C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội của Ông Nguyễn Đức Hà và Bà Đặng Hồng Ngân theo Hợp đồng thế chấp căn hộ 3866/2015 ngày 25/08/2018.
- Xe Carmy biển số 30F-170.82 theo Hợp đồng số 04/2018/HĐBĐ/NHCT326-GANGTHEPHN ngày 15/05/2018, Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm này là 1.264.000.000 VND, các khoản tín dụng tối đa được bảo đảm là 880.000.000 VND.
- Căn hộ chung cư số 601 tại Công trình hỗn hợp MD Complex Tower, Khu đô thị Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội của Ông Nguyễn Đức Nam và Bà Đỗ Thị Thanh Nhân theo Hợp đồng số 04/2018/HĐBĐ/NHCT326 ngày 04/04/2018;
- Căn hộ chung cư số 905 tại chung cư nhà C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng 0603/2018/HĐBĐ/NHCT326 ngày 06/03/2018;
- Căn hộ chung cư số 906 tại chung cư nhà C6-K1, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng 2103/2019/HĐBĐ/NHCT326-GANGTHEPHN ngày 21/03/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2018	10.000.000.000	(1.213.843.567)	8.786.156.433
Lợi nhuận trong năm trước	-	64.618.447	64.618.447
31/12/2018	10.000.000.000	(1.149.225.120)	8.850.774.880
01/01/2019	10.000.000.000	(1.149.225.120)	8.850.774.880
Tăng vốn trong năm	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	3.138.510.728	3.138.510.728
31/12/2019	50.000.000.000	1.989.285.608	51.989.285.608

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

	31/12/2019		31/12/2018	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Văn Quân	20.000.000.000	40,00	9.000.000.000	90,00
Ông Nguyễn Mậu Hoàng	5.000.000.000	10,00	-	-
Ông Nguyễn Hồng Tảo	8.000.000.000	16,00	-	-
Ông Trần Quốc Anh	8.500.000.000	17,00	-	-
Bà Nguyễn Thị Việt Hà	8.500.000.000	17,00	-	-
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	-	-	500.000.000	5,00
Ông Nguyễn Duy Nam	-	-	500.000.000	5,00
Cộng	50.000.000.000	100,00	10.000.000.000	100,00

Cổ phần

	31/12/2019	31/12/2018
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	5.000.000	1.000.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.000.000	1.000.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>5.000.000</i>	<i>1.000.000</i>
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm 2019	Năm 2018
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>247.495.681.150</u>	<u>217.291.781.540</u>
Doanh thu bán hàng hóa	247.495.681.150	217.291.781.540
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>(532.024.500)</i>	-
Hàng bán bị trả lại	(532.024.500)	-
Doanh thu thuần	<u>246.963.656.650</u>	<u>217.291.781.540</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	<u>238.567.539.396</u>	<u>214.938.114.546</u>
Cộng	<u>238.567.539.396</u>	<u>214.938.114.546</u>

3. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	<u>1.195.601.461</u>	<u>1.023.889.770</u>
Cộng	<u>1.195.601.461</u>	<u>1.023.889.770</u>

4. Chi phí bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài	892.879.509	234.379.755
Chi phí bằng tiền khác	<u>207.539.285</u>	<u>62.530.000</u>
Cộng	<u>1.100.418.794</u>	<u>296.909.755</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	477.992.400	504.583.000
Chi phí vật liệu quản lý	14.239.800	22.102.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	305.709.757	129.432.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.964.957	762.277.833
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.900.000	-
Chi phí bằng tiền khác	<u>90.905.671</u>	<u>90.688.065</u>
Cộng	<u>1.831.712.585</u>	<u>1.512.083.412</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Lợi nhuận khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập khác	51.960	560.018.360
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	-	560.000.000
Thu nhập khác	51.960	18.360
Chi phí khác	207.739.546	20.240.855
Lỗ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	126.114.217	-
Các khoản phạt	64.600.000	19.500.000
Chi tiền bị phạt do vi phạm hành chính	16.988.043	663.802
Chi phí khác	37.286	77.053
Lợi nhuận khác	(207.687.586)	539.777.505

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.063.172.059	64.618.447
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	216.423.610	64.618.447
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	216.423.610	219.270.858
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(283.889.305)
Thu nhập chịu thuế	4.279.595.669	-
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	855.919.134	-
Điều chỉnh bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp các năm trước	68.742.197	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	924.661.331	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

8. Lãi trên cổ phần

	Năm 2019	Năm 2018
a) Lãi cơ bản trên cổ phần		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.138.510.728	64.618.447
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	3.138.510.728	64.618.447
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	1.767.123	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần	1.776	65

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm 2019	Năm 2018
b) Lãi suy giảm trên cổ phần		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	3.138.510.728	64.618.447
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	3.138.510.728	64.618.447
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	1.767.123	1.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	4.000.000
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	1.767.123	5.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phần	1.776	13

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	319.949.557	151.534.514
Chi phí nhân công	477.992.400	504.583.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.964.957	762.277.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.086.779.509	234.379.755
Chi phí khác bằng tiền	301.444.956	156.218.065
Cộng	2.932.131.379	1.808.993.167

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2019	Năm 2018
Phải trả chi phí lãi vay	26.031.562	-
Phải trả tiền mua sắm, xây dựng tài sản trong năm	1.670.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ với các bên liên quan

a. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Tiền lương, thưởng, thù lao	99.520.000	83.499.000
Cộng	99.520.000	83.499.000

b. Các bên liên quan

Họ và tên

Ông Nguyễn Văn Quân
Công ty TNHH 2HC Việt Nam

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đức Hà là Giám đốc công ty TNHH 2HC Việt Nam đang thế chấp căn hộ chung cư để đảm bảo nợ vay ngân hàng

c. Giao dịch với bên liên quan

Vay tiền từ bên liên quan

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Ông Nguyễn Văn Quân	6.500.000.000	-
Cộng	6.500.000.000	-

Bán hàng cho bên liên quan

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Công ty TNHH 2HC Việt Nam	94.547.646.600	-
Cộng	94.547.646.600	-

d. Số dư với bên liên quan

Phải thu bên liên quan

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Công ty TNHH 2HC Việt Nam	5.682.646.600	-
Cộng	5.682.646.600	-

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.11, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Các khoản vay	16.967.000.000	14.532.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(7.009.419.273)	(2.130.836.129)
Nợ thuần	9.957.580.727	12.401.163.871
Vốn chủ sở hữu	51.984.079.096	8.850.774.880
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	19%	140%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2019</u>		<u>31/12/2018</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.009.419.273	7.009.419.273	2.130.836.129	2.130.836.129
Phải thu của khách hàng	20.444.365.435	20.444.365.435	-	-
Phải thu khác	75.000.000	75.000.000	5.560.000.000	5.560.000.000
Cộng	27.528.784.708	27.528.784.708	7.690.836.129	7.690.836.129

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	955.600.000	955.600.000	2.770.783.811	2.770.783.811
Chi phí phải trả	26.031.562	26.031.562	-	-
Các khoản vay	16.967.000.000	16.967.000.000	14.532.000.000	14.532.000.000
Cộng	17.948.631.562	17.948.631.562	17.302.783.811	17.302.783.811

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá ngoại tệ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu về cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Tài sản tài chính	-	-
Nợ phải trả tài chính	16.967.000.000	14.532.000.000
Các khoản vay	16.967.000.000	14.532.000.000
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	<u>(16.967.000.000)</u>	<u>14.532.000.000</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 169.670.000 VND (năm 2018: 145.320.000 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá hàng hóa là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu trả trước, trả tiền ngay đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập Báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi. Trên cơ sở này, Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro ở khoản phải thu khách hàng là không đáng kể.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2019				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.009.419.273	-	-	7.009.419.273
Phải thu của khách hàng	20.444.365.435	-	-	20.444.365.435
Phải thu khác	75.000.000	-	-	75.000.000
Cộng	27.528.784.708	-	-	27.528.784.708
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	955.600.000	-	-	955.600.000
Chi phí phải trả	26.031.562	-	-	26.031.562

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP HÀ NỘI

Số 68 Lưu Hữu Phước, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Các khoản vay	16.967.000.000	-	-	16.967.000.000
Cộng	17.948.631.562	-	-	17.948.631.562

Chênh lệch thanh khoản thuần	9.580.153.146	-	-	9.580.153.146
-------------------------------------	----------------------	----------	----------	----------------------

31/12/2018

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.130.836.129	-	-	2.130.836.129
Phải thu khác	5.560.000.000	-	-	5.560.000.000
Cộng	7.690.836.129	-	-	7.690.836.129

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	2.770.783.811	-	-	2.770.783.811
Các khoản vay	13.968.000.000	564.000.000	-	14.532.000.000
Cộng	16.738.783.811	564.000.000	-	17.302.783.811

Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.047.947.682)	(564.000.000)	-	(9.611.947.682)
-------------------------------------	------------------------	----------------------	----------	------------------------

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020



NGUYỄN VĂN QUÂN
Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ MAI
Kế toán trưởng

ĐINH THỊ MAI
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính